TRƯỜNG ĐHSPKT TP.HCM
KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC ANH VĂN TĂNG CƯỜNG 2

STT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	FINAL	LEVEL	GHI CHÚ
1	003	16142002	Nguyễn Hoàng	Ân	24/10/1998	59.375	Level B1	
2	009	16146004	Nguyễn Quốc	Bảo	01/05/1998	54.25	Level B1	
3	010	16146005	Phạm Ngọc	Bảo	14/12/1998	46.5	Level B1	
4	016	16145005	Lê Văn	Đạt	05/02/1998	55.75	Level B1	
5	018	16146012	Nguyễn Quốc	Đạt	04/03/1998	57.5	Level B1	
6	019	16146013	Nguyễn Thành	Đạt	10/12/1996	47.5	Level B1	
7	023	16145010	Nguyễn Trung	Đức	01/04/1998	49.25	Level B1	
8	025	16143002	Nguyễn Tiến	Dũng	04/01/1998	50	Level B1	
9	030	16145012	Nguyễn Hữu	Hiền	12/03/1998	58.25	Level B1	
10	032	16145013	Phan Ngọc Vinh	Hiển	09/02/1998	51.25	Level B1	
11	037	16149003	Nguyễn Đoàn Huy	Hùng	19/08/1998	51	Level B1	
12	044	16146023	Mai Quang	Huy	23/07/1998	50.75	Level B1	
13	053	16145022	Võ Minh	Khang	27/03/1998	53.5	Level B1	
14	054	16142531	Trần Duy	Khánh		50	Level B1	
15	056	16145024	Trần Đình	Khôi	07/10/1998	53.75	Level B1	
16	058	16145026	Nguyễn Hữu Tuấn	Kiệt	05/02/1998	48.75	Level B1	
17	064	16142018	Nguyễn Phụng Bảo	Long	29/09/1998	52.25	Level B1	
18	067	16145032	Ngô Hoàng	Luân	04/06/1996	49	Level B1	
19	070	16146036	Hoàng Tuệ	Minh	14/07/1998	55	Level B1	
20	072	16142020	Nguyễn Anh	Minh	04/04/1998	47.5	Level B1	
21	079	16146040	Nguyễn Nam Đình	Nghi	15/07/1998	57.5	Level B1	
22	088	16145040	Ngô Trần Việt	Phước	08/11/1998	58.5	Level B1	
23	091	16143010	Phạm Ngọc Trung	Quân	17/05/1998	54.5	Level B1	
24	098	16146046	Nguyễn Mạnh	Sang	14/04/1998	55.75	Level B1	
25	099	16145042	Từ Thanh	Sang	08/10/1998	48.25	Level B1	
26	101	16145646	Lê Anh	Thắng	18/11/1998	55.75	Level B1	
27	104	16146047	Phùng Thiện	Thanh	05/12/1998	46	Level B1	
28	106	16146048	Phạm Võ Văn	Thành	16/11/1998	52	Level B1	
29	107	16146049	Trần Xuân	Thành	10/10/1998	57.25	Level B1	
30	112	16145051	Trần Hữu Minh	Tiến	16/09/1998	49.5	Level B1	
31	113	16142034	Trần Minh	Tiến	18/08/1998	48	Level B1	
32	118	16143017	Đỗ Minh	Trung	11/11/1997	58	Level B1	
33	119	16146052	Đỗ Thành	Trung	05/05/1997	46.25	Level B1	
34	123	16145056	Hồ Minh	Tú	01/01/1998	48.25	Level B1	
35	124	16145057	Nguyễn Anh	Tú	04/10/1998	52.75	Level B1	
36	127	16142486	Nguyễn Công	Tuấn	23/06/1998	45.75	Level B1	